



Tháp sấy ngô chuyên dụng SUNCUE

MD-165



- Nhiệt độ sấy thấp, mẻ sấy đều và thời gian sấy nhanh chóng giúp giảm thiểu hạt bị gãy và tạo ra hạt đẹp.
- Toàn bộ thiết bị đều được thiết kế sản xuất kiên cố, bền bỉ, thiết kế chuyên để sử dụng với tần suất hoạt động lâu dài.
- Với thiết kế chắc chắn, người dùng có thể sấy hạt chất lượng cao đồng đều từ mẻ thứ 1, thứ 100 đến mẻ thứ 1000. Ngũ cốc có chất lượng cao phù hợp sẽ được cung cấp cho khách hàng.
- Tự động kiểm soát độ ẩm, phòng tránh sấy vượt quá độ ẩm yêu cầu dẫn đến tổn thất.
- Sử dụng phế phẩm trấu làm nguyên liệu đốt, không cần mua dầu, khí hoá lỏng, nguyên liệu đốt khác.



Ngô

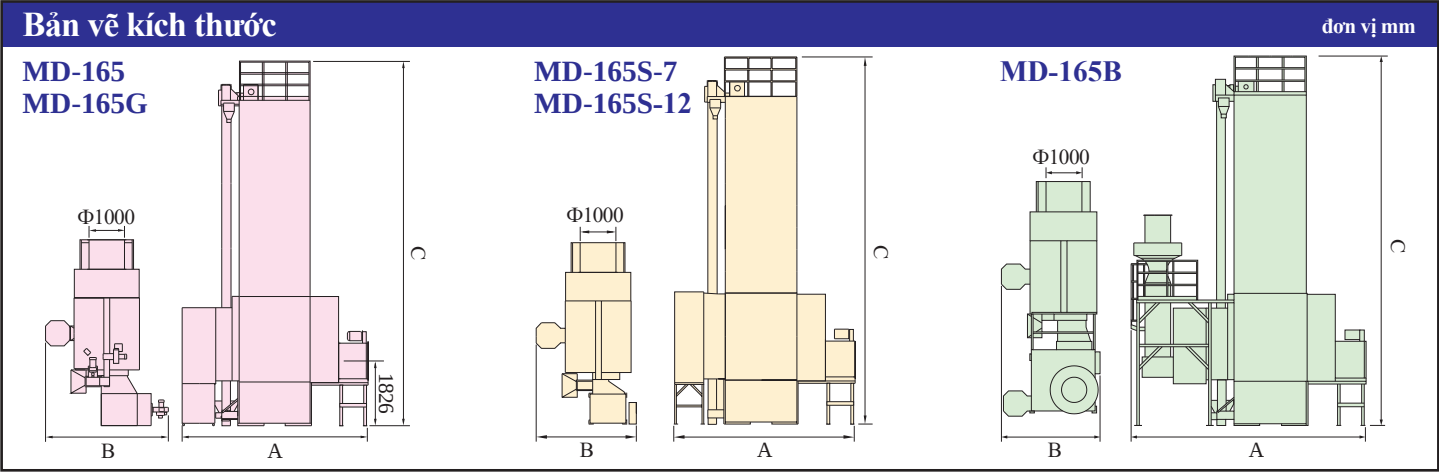


Thóc



Lúa mì

Loại máy	MD-165
Nguyên liệu đốt	
Dầu Diesel	●
Khí hoá lỏng	●
Steam	●
Vật liệu sinh khối	●
Đa dụng 2 nguyên liệu đốt dầu Diesel và trấu	●
Đa dụng 2 nguyên liệu đốt khí gas và trấu.	●



Thông số kỹ thuật						
Các dòng máy Hạng mục		MD-165	MD-165G			
			Nhiệt độ thấp		Nhiệt độ cao	
Nguyên liệu đốt		Dầu hoả hoặc diesel*	LPG	NG	LPG	NG
Lượng nhiên liệu tiêu thụ Lít/giờ khoảng	Ngô 1 Lít=690 gram	27~54 230,000~460,000 Kcal/giờ	Max. 16.6 kg/giờ ≒233 kW	Max. 18.2 m³/giờ ≒233 kW	Max. 41.6 kg/giờ ≒581 kW	Max. 45.5 m³/giờ ≒581 kW
	Thóc 1 Lít=560 gram	11.3~27 96,000~230,000 Kcal/giờ				
	Lúa mì 1 Lít=680 gram	11.3~27 96,000~230,000 Kcal/giờ				
Công xuất kg khoảng	Ngô 1 Lít=690 gram	7,000~16,500	—		7,000~16,500	
	Thóc 1 Lít=560 gram	5,700~13,200	5,700~13,200		—	
	Lúa mì 1 Lít=680 gram	6,900~16,200	6,900~16,200		—	
Tính năng	Thời gian vào thóc Phút khoảng	Ngô	75	—	75	
		Thóc Lúa mì	66	66	—	
	Thời gian ra thóc Phút khoảng	Ngô	70	—	70	
		Thóc Lúa mì	65	65	—	
	Tốc độ sấy %/giờ	Ngô	1.8~2.6	—	1.8~2.6	
		Thóc Lúa mì	0.7~1.2 Hạt giống 0.2~1.0	0.7~1.2	—	
Kích thước máy Dài(A)×Rộng(B)×Cao(C) mm		5,341×3,626×10,272		5,341×3,930×10,272		
Trọng lượng máy kg khoảng		3,170		3,170		
Điện năng tiêu thụ kW		Ngô 11.75 Thóc 11.25		11.75		
Loại máy đốt		Hình súng				
Điện áp		3Pha, 220V/380V/415V/440V, 50/60Hz				
Các bộ phận an toàn		Role nhiệt, Công tắc áp suất không khí, Bảo động đầy thấp, Công tắc hẹn giờ, Cầu chì kiểm soát, Máy đốt dập lửa, Cảm biến quá nhiệt bất thường				

Các dòng máy		MD-165S-7	MD-165S-12	MD-165B	
Hạng mục		Sấy hơi		Lò đốt sinh khối SUNCUE BB-18, Rice Husk Furnace SB	
Nguyên liệu đốt		Sấy hơi		Lò đốt sinh khối SUNCUE BB-18, Rice Husk Furnace SB	
Công suất		7,000~16,500		7,000~16,500	
kg khoảng		5,700~13,200		5,700~13,200	
Kích thước máy		6,900~16,200		6,900~16,200	
Dài(A)×Rộng(B)×Cao(C) mm		4,710×2,810×10,272		5,060×2,810×10,272	
Trọng lượng máy		3,900		4,490	
Khu vực thích hợp sử dụng		Đới nóng		Đới nóng, Vùng lạnh, Lạnh lẽo	
Ngũ cốc thích hợp		Thóc, Lúa mì		Thóc, Lúa mì, Ngô	
Nhiệt độ gia tăng		Ngô +14~49°C		Ngô +25~72°C	
nhiệt độ môi trường		Thóc +16~55°C		Thóc +27~80°C	
Kích thước, thông số lò hơi		1.0		1.2	
Tần/giờ khoảng		7		7	
Áp suất lò hơi cung cấp		7		7	
kg/cm² khoảng		Ngô 75		Thóc 66	
Thời gian vào thóc		Ngô 70		Thóc 65	
Thời gian ra thóc		Ngô 1.8~2.6		Thóc 0.7~1.2	
Tốc độ sấy		11		14.75	
Điện năng tiêu thụ		11		14.75	
kW		3Pha, 220V/380V/415V/440V, 50/60Hz		3Pha, 220V/380V/415V/440V, 50/60Hz	
Điện áp		Role nhiệt, Đóng mở áp lực gió, Bảo động khối lượng đầy, Đóng mở định kỳ, Cầu chì bảo vệ		Role nhiệt, Đóng mở áp lực gió, Bảo động khối lượng đầy, Đóng mở định kỳ, Cầu chì bảo vệ	
Các bộ phận an toàn		Role nhiệt, Đóng mở áp lực gió, Bảo động khối lượng đầy, Đóng mở định kỳ, Cầu chì bảo vệ		Role nhiệt, Đóng mở áp lực gió, Bảo động khối lượng đầy, Đóng mở định kỳ, Cầu chì bảo vệ	

* Tốc độ sấy là biểu tham khảo, thực tế còn phụ thuộc vào thời tiết, độ ẩm môi trường, sản phẩm cần sấy, nhiệt độ gió nóng và độ ẩm trước và sau khi sấy. Giá định độ ẩm thóc từ 26% đến 15%, độ ẩm lúa mì và ngô từ 30% đến 12.5%.

* Khi sấy gạo, nên sấy ở nhiệt độ thấp để tránh tăng tỷ lệ gạo vỡ.

* Các bản vẽ và thông số kỹ thuật chỉ mang tính chất tham khảo. Thông số kỹ thuật của sản phẩm thực tế dựa trên các đơn đặt hàng đã ký của khách hàng và các lô hàng thực tế.

* Nhiệt lượng yêu cầu là giá trị tham khảo và giá trị thực tế sẽ thay đổi do các loại hạt ngũ cốc khác nhau, tỷ lệ tạp chất và điều kiện sấy khác nhau.

* Loại da dùng dung dầu nhiên liệu đầu vào phải là loại da dùng được sản xuất theo đơn đặt hàng.

* Việc xây dựng đường ống khí đốt tự nhiên phải được thực hiện bởi các chuyên gia của công ty khí đốt tự nhiên địa phương và không thể tự mình lắp đặt.

* Thông số kỹ thuật đầu vào theo tiêu chuẩn Nhật Bản (có sơ nhiệt trị: khí tự nhiên 11,000 Kcal/m³; khí dầu mỏ hóa lỏng 12,000 Kcal/kg). Nếu bạn cần mua đầu đốt tiêu chuẩn CE, vui lòng liên hệ bộ phận bán hàng của SUNCUE.

* Chú ý nguyên liệu đốt như dầu Diesel, dầu hỏa cần phải đảm bảo có chất lượng cao.

* Trong lượng, thành phần và áp suất riêng của khí tự nhiên ở mỗi vùng khác nhau nên nhiệt trị của khí tự nhiên cũng sẽ khác nhau, chẳng hạn như 11,000 Kcal/m³ ở Nhật Bản, 8,900 Kcal/m³ ở Đài Loan và 8,400 Kcal/m³ ở Tả Xuyên.

* Dùng vào động thái sấy và động thái hút bụi cyclon CL-10, để lựa mưa lan can, tìm chân mưa, khoang thoát gió, ống thoát gió, giá đỡ, lan can bảo trì thích hợp, v.v.

* Nếu sử dụng đơn lẻ máy CL-10 KHÔNG kết hợp với hệ thống gom bụi tổng, khách hàng cần tự trang bị túi đựng bụi.

* Lò đốt là thiết bị nguy hiểm do quá trình sản xuất áp suất cao. Theo quy định, lò đốt phải có phòng đốt chuyên dụng. Người vận hành phải được đào tạo chuyên nghiệp và có giấy phép vận hành, đồng thời phải tuân thủ các quy định của chính quyền địa phương.



SUNCUE COMPANY LTD.

▲ No. 105, Renhua Rd., Dali Dist., Taichung City 412039, Taiwan, R.O.C.

☎ +886-4-2339-7171 ☎ +886-4-2330-2939

🌐 www.suncue.com ✉ sales@suncue.com

Trung tâm cung cấp dịch vụ

DMD-250514-VN